

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều chỉnh, bổ sung Bảng giá các loại đất trên địa bàn huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng ban hành kèm theo Quyết định số 69/2014/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2014 của UBND tỉnh Lâm Đồng ban hành Bảng giá các loại đất trên địa bàn các huyện, thành phố Bảo Lộc và thành phố Đà Lạt - tỉnh Lâm Đồng**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;*

*Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất; Nghị định số 104/2014/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ Quy định về khung giá đất;*

*Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;*

*Thực hiện Nghị quyết số 124/2014/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua Bảng giá đất năm 2015 áp dụng cho chu kỳ 5 năm (2015 - 2020) trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng;*

*Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lâm Đồng tại Tờ trình số 80/TTr-STNMT ngày 16 tháng 02 năm 2017.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Điều chỉnh, bổ sung một số nội dung tại Bảng giá các loại đất trên địa bàn huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng ban hành kèm theo Quyết định số 69/2014/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng ban hành Bảng giá các loại đất trên địa bàn các huyện, thành phố Bảo Lộc và thành phố Đà Lạt - tỉnh Lâm Đồng (sau đây gọi là Quyết định số 69/2014/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng); cụ thể như sau:

1. Bổ sung nội dung xác định vị trí 1 và vị trí 2 đối với đất trồng cây hàng năm, đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản và đất nông nghiệp khác,

quy định tại Điểm 1 Mục I của Bảng giá đất nông nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 69/2014/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng:

- Vị trí 1: được xác định cho những thửa đất (lô đất) có khoảng cách tính từ thửa đất (lô đất) đến mép lộ giới của Quốc lộ, Đường tỉnh, **Đường đô thị** trong phạm vi 500 mét.

- Vị trí 2: được xác định cho những thửa đất (lô đất) có khoảng cách tính từ thửa đất (lô đất) đến mép lộ giới của Quốc lộ, Đường tỉnh, **Đường đô thị** trong phạm vi trên 500 mét đến 1.000 mét; **hoặc có khoảng cách tính từ thửa đất (lô đất) đến mép lộ giới của Đường huyện, Đường xã trong phạm vi 500 mét.**

2. Điều chỉnh số thứ tự, tên gọi và giá đất của một số đoạn đường trong danh mục Bảng giá đất ở tại nông thôn (Mục II) và danh mục Bảng giá đất ở tại đô thị (Mục III) ban hành kèm theo Quyết định số 69/2014/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng:

Số TT	Loại đất	Đơn giá (1.000 đ/m <sup>2</sup> )
	Tên đơn vị hành chính, khu vực, đường, đoạn đường	
<b>II</b>	<b>ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN</b>	
<b>1</b>	<b>Xã Liên Đầm</b>	
<b>1.1</b>	<b>Khu vực I</b>	
<b>1.1.5</b>	<b>Thôn 4</b>	
3	Đường Ngô Quyền (Từ QL20 vào cầu trắng) từ thửa 602(31) đến + thửa 124(31) + tiếp thửa 60(24) đến hết thửa 44(24)	550
<b>9</b>	<b>Xã Tân Lâm</b>	
<b>9.1</b>	<b>Khu vực I</b>	
	<b>Đoạn các nhánh rẽ</b>	
21	Đoạn từ đất nhà Phụng Tạo đến hết đất nhà ông Châu {Từ thửa 213(3) đến hết thửa 22(3)}	200
<b>III</b>	<b>ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ</b>	
<b>47</b>	<b>Đường Võ Văn Tần</b>	
47.1	Từ thửa 25+26(17-2000) đến giáp đường Trần Phú	700
47.2	Từ giáp Quốc Lộ 20 (Thửa 52+53(16-2000) đến giáp thửa 25+26(17-2000)	550

<b>55</b>	<b>Đường Lê Hồng Phong</b>	
55.2	- Đoạn còn lại tính từ thửa 200+201 (tờ 20-2000) đến giáp thửa 415+432 (tờ 14-2003)	500

3. Bổ sung giá đất ở của một số con đường, đoạn đường vào danh mục của Bảng giá đất ở tại nông thôn (Mục II) và Bảng giá đất ở tại đô thị (Mục III) ban hành kèm theo Quyết định số 69/2014/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng:

<b>Số TT</b>	<b>Loại đất</b> <b>Tên đơn vị hành chính, khu vực, đường, đoạn đường</b>	<b>Đơn giá (1.000 đ/m<sup>2</sup>)</b>
<b>II</b>	<b>ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN</b>	
<b>3</b>	<b>Xã Hòa Ninh</b>	
<b>3.1</b>	<b>Khu vực I:</b>	
<b>3.1.6</b>	<b>Từ ngã ba vào thôn 3 đến hết lô quy hoạch</b>	
8	Đường nhánh rẽ còn lại của thôn 4	200
<b>9</b>	<b>Xã Tân Lâm</b>	
<b>9.1</b>	<b>Khu vực I:</b>	
<b>9.1.1</b>	<b>Đoạn dọc Quốc lộ 28</b>	
22	Đoạn đường vào xóm 10 thôn 6: từ thửa 336 đến thửa 408, tiếp từ thửa 353 đến hết thửa 316 tờ bản đồ 31. Tiếp thửa 11 đến thửa 94 + từ thửa 74 đến hết thửa 6 tờ bản đồ 30	200
23	Đoạn đường vào xóm 11 thôn 6: từ thửa 172 đến thửa 201, tiếp từ thửa 245 đến hết thửa 189 tờ bản đồ 39	200
<b>9.1.3</b>	<b>Đường tỉnh lộ ĐT 725 đoạn từ QL 28 đi Lâm Hà</b>	
1	Giáp QL 28 từ thửa 188 đến thửa 189 + từ thửa 243 đến hết thửa 246 tờ bản đồ 23; tiếp từ thửa 129 đến thửa 6 tờ bản đồ 23 + từ thửa 111 đến hết thửa 3 tờ bản đồ 24	300
2	Đoạn còn lại đến giáp sông (huyện Lâm Hà)	250
<b>13</b>	<b>Xã Gia Hiệp</b>	
<b>13.1.6</b>	<b>Từ Quốc lộ 20 vào thôn 7</b>	

14	Đoạn từ ngã 3 đất Công ty Cổ phần Hiệp Phú đến ngã 4 đất nhà ông Nguyễn thôn 7	290
<b>III</b>	<b>ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ (Thị trấn Di Linh)</b>	
<b>71</b>	<b>Đất vành đai thị trấn</b>	
71.1	Đoạn giáp ranh quy hoạch khu dân cư Thanh danh từ thửa 284 +302 (tờ 20-2000) đến hết thửa 272 (tờ 20-2000) + 407 (tờ 14-2003)	400
71.2	Đoạn từ thửa 198+261 (tờ 20-2000) đến hết thửa 44+83 (tờ 29-2000)	400
71.3	Đoạn từ thửa 3+6 (tờ 20-2000) đến giáp thửa 91+92 (tờ 18-2000)	400

## **Điều 2.**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 10 tháng 3 năm 2017; là một phần không tách rời của Quyết định số 69/2014/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

2. Các đoạn đường và giá đất của các đoạn đường tại Khoản 2 Điều 1 Quyết định này thay thế các đoạn đường (Đoạn đường có số thứ tự 6 thuộc các đoạn đường dọc QL20, Khu vực I, xã Liên Đàm; đoạn đường có số thứ tự 4 thuộc các đoạn đường dọc QL28, Khu vực I, xã Tân Lâm; 02 đoạn đường thuộc Đường Võ Văn Tần và đoạn đường có số thứ tự 55.2 thuộc đường Lê hồng Phong, thị trấn Di Linh) trong danh mục Bảng giá đất ở tại nông thôn (Mục II) và tại đô thị (Mục III) trên địa bàn huyện Di Linh ban hành kèm theo Quyết định số 69/2014/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Xây dựng; Cục trưởng Cục Thuế; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Di Linh; Thủ trưởng các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

### **Nơi nhận:**

- Văn phòng Chính phủ;
- Website Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản);
- TT Tỉnh ủy, TTHĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH đơn vị tỉnh Lâm Đồng;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Đài PTTH và Báo Lâm Đồng;
- Như Điều 4;
- LĐ và CV VP UBND tỉnh;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Trung tâm tin học;
- Lưu: VT, TC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Đoàn Văn Việt**